

Bản án số: 332/2026/DS-PT

Ngày: 23 - 4 - 2026

V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 3 và 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 678/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960.

Số CCCD: 09616003776, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà S là: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977 (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023).

Địa chỉ: Số G đường C, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945.

Số CCCD: 096045002509, cấp ngày 14/8/2021.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Tô Thanh C, sinh năm: 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2025); Địa chỉ: A, khóm F, phường H, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H là:

+ Ông Lê Văn Q, sinh năm 1953.

+ Bà Lê Thị Q1, sinh năm 1957.

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1965.

+ Ông Lê Văn N, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1979.

4. Bà Triệu Thị Ú, sinh năm 1981 (vợ ông G).

5. Ông Nguyễn Hoài T2, sinh năm 1979.

6. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1982 (vợ ông T2).

7. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1966.

8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1962 (vợ ông T3).

9. Anh Mai Nhân T5, sinh năm 1983.

10. Chị Ngô Kiều D, sinh năm 1991 (vợ anh T5).

11. Anh Ngô Văn T6, sinh năm 1991 (con bà S).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt: Ông K, bà S, ông C, ông T2, bà N1, ông G và ông T6; các đương sự khác vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày yêu cầu khởi kiện:

Năm 1994, cụ Võ Thị B, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) với diện tích 31.750m² thửa số 246, 250, 478, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Năm 1999, cụ B bán cho ông Nguyễn Hoàng D1 01 phần đất diện tích 8.424m², phần đất còn lại diện tích 23.326m²; cụ B chết vào ngày 16/10/2012, trước khi chết cụ B có lập di chúc ngày 12/5/2004, để lại tài sản cho bà S gồm:

- 01 căn nhà bán cơ bản lợp tol.

- 01 phần đất diện tích 21.926m² tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C (trên phần đất có căn nhà nêu trên).

Đồng thời cụ B cũng để lại tài sản cho các con được hưởng tài sản gồm:

- Bà Nguyễn Thị H được hưởng 01 công 01 gốc tư tầm lớn đất ruộng tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau phần đất này bà H đã nhận rồi và đã chuyển nhượng cho ông D1 vào năm 1999 nằm trong diện tích 8.424m².

- Bà Nguyễn Thị P được hưởng 01 công 01 gốc tư tầm lớn đất ruộng tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau phần đất này bà P đã nhận rồi và đã chuyển nhượng cho ông D1 vào năm 1999 nằm trong diện tích 8.424m².

- Ông Nguyễn Văn T được hưởng 35 công tầm lớn đất ruộng tọa lạc tại Lung C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, phần đất này không nằm trong di chúc, không nằm trong Giấy chứng nhận của cụ B vì ông T đã được nhận vào năm 1968 và 04 công tầm lớn đất ruộng tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau phần đất này ông T cũng đã nhận rồi vào năm 1976, phần đất này không nằm trong di chúc, không nằm trong Giấy chứng nhận của cụ B.

Năm 2022, bà S liên hệ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo “Tờ di chúc”, nhưng ông T ngăn cản và ông T yêu cầu phải chia cho ông T một phần đất 04 công tầm lớn đất ruộng theo “Tờ di chúc”, nhưng phần đất này ông T đã được nhận vào năm 1976.

Nay bà S yêu cầu công nhận “Tờ di chúc” của cụ bà Võ Thị B lập ngày 12/5/2004 (nhằm ngày 23/3/2004 âm lịch) và được hưởng thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng đất do cụ B để lại, theo đo đạc ngày 20/10/2023 có diện tích 20.042,5m² thửa số 246, 250, 478, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau).

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày và tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông Nguyễn Văn T xác nhận mẹ ông là cụ Võ Thị B lập “Tờ di chúc” ngày 12/5/2004 (nhằm ngày 23/3/2004 âm lịch), nội dung di chúc là ông T được hưởng 04 công đất; từ sau khi cụ B chết vào năm 2012, ông T vẫn chưa nhận đất vì phần đất năm 2020, con trai ông T tên Nguyễn Văn G quản lý, sử dụng 04 công đất (đo đạc thực tế 5.184m²), G xây cất nhà ở, bà S không có ý kiến gì. Bà S khởi kiện yêu cầu công nhận nội dung “Tờ di chúc”, toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc về bà S thì ông T không đồng ý. Ông T có yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận 04 công đất ghi nhận trong “Tờ di chúc” thuộc quyền sử dụng của ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày và tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Bà P đã nhận phần đất theo di chúc và đã sang bán cho ông D1, nên bà P không yêu cầu gì trong vụ án này.

Đối với tranh chấp giữa bà S với ông T thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo di chúc ngày 12/5/2004 của cụ B. Phần ông T 04 công đã được nhận rồi, còn toàn bộ

phần đất theo di chúc của cụ B là để lại toàn bộ cho bà S. Bà P không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn G và bà Triệu Thị Ú trình bày và tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trước khi vợ chồng tôi về cất nhà trên phần đất của bà N2 (cụ B) thì cha tôi là ông T cùng có mặt của bà P, bà S, ông Huỳnh Vũ L (Trưởng khóm) có bàn bạc thống nhất cho vợ chồng tôi cất nhà trên phần đất mà bà N2 cho cha tôi theo di chúc và có cắm 03 trụ đá của phần đất, khi cắm trụ đá có ông Nguyễn Văn M, ông Sáu D2, ông Huỳnh Vũ L (Trưởng khóm) chứng kiến, có làm văn bản. Cho nên vợ chồng ông G mới mượn người đắp đất nền và cất nhà ở cho đến nay. Sự việc tranh chấp giữa bà S với ông T thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo di chúc.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kiều D trình bày:

Năm 2019, bà Nguyễn Thị S (mẹ D) có cho vợ chồng D một phần đất để cất nhà ở với chiều ngang mặt tiền 06m, chiều dài đến mé sông Cái Nước. Phần đất này là di sản của bà N3 (cụ B) để lại cho bà S. Nay tranh chấp giữa bà S với ông T thì bà D không có ý kiến, bà D cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Công nhận “Tờ di chúc” do cụ bà Võ Thị B lập ngày 12/5/2004 (nhằm ngày 23/3/2004 âm lịch) là có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị S được hưởng thừa kế di sản là quyền sử dụng đất do cụ bà Võ Thị B để lại, đối với phần đất diện tích theo đo đạc ngày 20/10/2023 có diện tích 20.042,5m² thửa số 246, 250, 478, tờ bản đồ số 01, phần đất tọa lạc tại ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau, bà Nguyễn Thị S có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất do cụ B để lại đối với phần đất có diện tích 5.184m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2025, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận cho bị đơn được hưởng thừa kế 04 công đất ruộng tầm lớn có diện tích 5.184m² theo “Tờ di chúc” ngày 11/5/2004 của cụ Võ Thị B có hiệu lực thi hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Xuân K trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Bởi vì, phần đất cụ B đứng tên và cụ B để

lại cho bà S; trước khi lập di chúc đã cho ông T quyền sử dụng đất, phần còn lại cho bà S toàn bộ; đối với “Biên bản cho đất” lập ngày 08/12/2020 vô hiệu tại thời điểm các bên lập biên bản.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Tô Thanh C trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Cụ B cho ông T 04 công đất, ông T chưa nhận; năm 2012, cụ B chết, năm 2019 ông G nhận đất và xây cất nhà ở; đến khoảng năm 2024, khi bà S làm thủ tục xin cấp lại quyền sử dụng đất thì bà kê khai cả 04 công đất của ông T.

- Ông G trình bày: Ông T cho ông G 04 công đất, do hoàn cảnh khó khăn, ông G làm thuê ở Bình Dương; năm 2019, ông G nhận đất và xây cất nhà ở. Ngày 08/12/2020, lập biên bản giao 04 công đất cho ông T trên tinh thần tự nguyện của bà S, có chính quyền địa phương và một số hộ dân chứng kiến; trước đó vài ngày có lập văn bản, ông T nhận 04 công đất sau hậu theo như nội dung di chúc, nhưng có sự hoán đổi, nên xé bỏ và lập lại văn bản ngày 08/12/2020; 04 công đất của ông T thể hiện tại Bản vẽ trích đo hiện trạng ký hiệu thửa số 2. Theo như thỏa thuận với bà S, ông G tự nguyện chừa đường nước xỏ ngang 04m.

- Ông T2 trình bày: 04 công đất thể hiện trong di chúc của cụ B cho ông T, đến năm 2019 ông T mới nhận (cho G cất nhà), giữa ông T và bà S có lập văn bản về vị trí 04 công đất; bà S trình bày là không đúng. Trước đây ông T2 có nhận sang nhượng quyền sử dụng đất của bà S, nhưng không liên quan trong vụ án này.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận sự tự nguyện của ông G chừa đường nước xỏ cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận bị đơn được hưởng thừa kế 04 công tâm lớn đất ruộng (5.184m²) đúng như nội dung “Tờ di chúc” ngày 11/5/2004 của cụ Võ Thị B

[2.1] Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: cụ Võ Thị B (chết năm 2012), cụ có những người con: Nguyễn Thị H (chết), Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị S. Ngày 12/5/2004, cụ B lập “Tờ di chúc” có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã; ông T và bà S xác nhận “Tờ di chúc” là có thật và yêu cầu công nhận di chúc.

[2.2] Bà S và ông T tranh chấp một phần nội dung của “Tờ di chúc” liên quan đến phần đất 04 công toạ lạc tại ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Võ Thị B; tại Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 04/8/2025 và ngày 23/4/2026 của Công ty TNHH T8 thể hiện tại thửa ký hiệu số 2, diện tích 5.184m².

[2.3] Theo nguyên đơn, bà S trình bày 04 công đất mà cụ B nêu trong “Tờ di chúc” mà ông T được cụ B tặng cho thì ông T đã nhận trước khi lập di chúc; về phía ông T trình bày là ông chưa nhận, bởi vì cụ B viết “Tờ di chúc” năm 2004, cụ B chết năm 2012, 04 công đất ông T cho con trai tên G, do hoàn cảnh khó khăn nên G đi làm thuê ở Bình Dương, đến năm 2019, G về nhận đất và cất nhà. Qua lời trình bày của bà S và ông T, nhận thấy:

- 04 công đất thể hiện trong di chúc mà ông T được hưởng toạ lạc ấp Đ, xã C (trước đây thuộc khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau), bà S cho rằng ông T đã nhận, tuy nhiên, qua xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ, thì tại ấp Đ ông T có phần đất diện tích 11.130m², hồ sơ cấp giấy thể hiện nguồn gốc đất là sang nhượng, phù hợp với văn bản “xác minh lời trình bày” của ông Nguyễn Thanh H2 là năm 1985 ông H2 sang bán cho ông T 08 công đất.

Ngoài ra, ông T không có phần đất nào khác ngoài phần đất nhận chuyển nhượng từ ông H2. Bà S cho rằng ông T đã nhận đất tại ấp Đ thì phần đất ở đâu?

- Năm 2019, ông Nguyễn Văn G cất nhà trên phần đất, bà S không phản đối, không ngăn cản và ông G ở trên căn nhà từ năm 2019 cho đến nay. Nếu như bà S cho rằng không phải đất của ông T thì tại sao khi ông G (con ông T) cất nhà bà không ngăn cản.

- Ông G trình bày, trước khi cất nhà thì ông T và bà S có thống nhất về vị trí 04 công đất của ông T, có cắm trụ đá để xác định ranh đất. Lời trình bày của ông G phù hợp với “Biên bản cho đất” lập ngày 08/12/2020, có nội dung: căn cứ theo “Tờ di chúc” của cụ Võ Thị B để lại thì có để trong giấy cho ông T 04 công đất, ông T và S thống nhất đổi 04 công đất ruộng lấy phần mặt tiền cặp lộ 03m; có cắm trụ đá để xác định thửa đất của ông T. Về phía bà S thừa nhận có văn bản này nhưng bị ông T ép buộc bà ký tên. Lời trình bày của bà S là không có căn cứ, bởi lẽ: (1) trước khi lập “Biên bản cho đất” thì năm 2019 ông G đã cất nhà; (2) “Biên bản cho đất” có T7 ấp là ông Huỳnh Vũ L ký xác nhận, thể hiện nội dung: chứng kiến bà S làm biên bản giao đất cho ông T là đúng sự thật; (3) Tòa án xác minh Trương áp, hộ giáp ranh và một số người chứng kiến đều xác nhận bà S tự nguyện, việc đo đất, cắm trụ đá là tự nguyện, không ai ép buộc bà S; ngoài ra, lập “Biên bản cho đất” ngày 08/12/2020, nhưng trước đó 02 ngày bà S và ông T có lập một biên bản là ông T nhận 04 công đất ruộng nhưng sau đó có sự thay đổi nên hủy bỏ và lập lại biên bản mới về hoán đổi vị trí đất ông T nhận phần đất giáp lộ. Vì vậy, bà S cho rằng bị ép buộc ký biên bản là không có cơ sở.

[2.4] Phần đất ông T được hưởng có diện tích 04 công, đo đạc thực tế tại Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 04/8/2025, ký hiệu thửa số 2, diện tích 5.184m².

Tại phiên tòa ngày 26/3/2026, đại diện bị đơn và ông G đồng ý chừa đường nước xỏ cho bà S ngang khoảng 04m, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Theo như ông G trình bày, bà S là cô ruột cho nên đôi bên sẽ không thay đổi thỏa thuận, từ đó không quan tâm đến “Biên bản cho đất”, đến khi bà S khởi kiện, ông G không tìm thấy giấy tờ, sau khi xét xử sơ thẩm mới tìm thấy và nộp cho cấp phúc thẩm; do đó, tại cấp phúc thẩm phát sinh chứng cứ mới do bị đơn cung cấp “Biên bản cho đất”, cấp phúc sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

[4] Từ nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm.

Ông T được hưởng phần đất có diện tích 5.184m² được ký hiệu tại thửa số 2. Trong diện tích đất ông T được hưởng tách đường nước ngang khoảng 4m cho bà Nguyễn Thị S diện tích 256,4m² ký hiệu tại các điểm A1,M16,M15,M14,A4,A3,A2,A1. Sau khi tách đường nước cho bà S diện tích 256,4m², phần diện tích còn lại ông T được hưởng là 4.927,6m² được ký hiệu tại các thửa 2-1 có diện tích 3.873,2m² (tại các điểm M3,M4,A1,A2,A3,M18,M18',M2,M3) và thửa 2-3 có diện tích 1.054,4m² (tại các điểm M14,M13,M17,A4,M14) theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 23/4/2026 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 - Đo đạc bản đồ Tấn C1 tại Cà Mau. Phần đất tọa lạc tại ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau do cụ Võ Thị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1994.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Bà S và ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng, bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm. Về chi phí điều chỉnh bản vẽ tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 2.000.000đ, đã thanh toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với yêu cầu công nhận một phần nội dung “Tờ di chúc” do cụ bà Võ Thị B lập ngày 12/5/2004 liên quan đến 04 công đất chia cho ông Nguyễn Văn T.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất do cụ Võ Thị B để lại.

2.1. Ông Nguyễn Văn T được hưởng phần đất có diện tích 4.927,6m² được ký hiệu tại các thửa 2-1 có diện tích 3.873,2m² (tại các điểm M3,M4,A1,A2,A3,M18,M18',M2,M3) và thửa 2-3 có diện tích 1.054,4m² (tại các điểm M14,M13,M17,A4,M14) theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 23/4/2026 của Chi nhánh Công ty TNHH T9 - Đo đạc bản đồ Tán C1 tại Cà Mau. Phần đất tọa lạc tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau) do cụ Võ Thị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1994.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T về việc để lại đường nước xô được ký hiệu tại thửa số 2-2 có diện tích 256,4m² (tại các điểm A1,M16,M15,M14,A4,A3,A2,A1) cho bà Nguyễn Thị S.

(kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 23/4/2026 của Chi nhánh Công ty TNHH T8 tại Cà Mau)

Buộc bà Nguyễn Thị S và anh Ngô Văn T6 có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Văn T diện tích đất mà ông T được hưởng là 4.927,6m².

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị S được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc và định giá: Ông Nguyễn Văn T chịu toàn bộ, đã thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi, thuộc diện được miễn án phí nên được miễn nộp.

5. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

